

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ- ST  
Ngày: 19 -4 -2019  
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lò Văn Ôn và bà Bạc Thị Kiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Châm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị H; Sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Đội 11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Vi Văn X; Sinh năm: 1985;

Nơi ĐKNKTT: Đội 5, xã T1, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 23, phân trại số 1, trại giam T, Bộ công an có địa chỉ tại xã M, huyện T, thành phố Hà Nội; (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vi Thị H trình bày:***

Về hôn nhân: Chị H và anh Vi Văn X kết hôn năm 2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, nhưng sau đó đến tháng 4 năm 2010 thì thường xảy ra mâu thuẫn do anh X nghiện ma túy, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai vợ chồng cũng được hai bên gia đình hàn gắn nhưng không được, anh X không có hướng sửa chữa. Đến tháng 3

năm 2011 thì anh X bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị xử phạt 15 năm tù, hiện đang cải tạo tại trại giam Thanh Xuân. Đến nay chị H thấy không thể còn chung sống với anh X, kể cả sau này anh xuân ra tù về chị cũng không thể chung sống được nữa, vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện tình cảm giữa anh chị cũng không còn. Nay chị H xin được ly hôn với anh X. Chị H xác định khi kết hôn chị H chưa đủ tuổi nhưng đến nay đã đủ tuổi kết hôn theo qui định, chị H đề nghị tòa xác định quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là vợ chồng và yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn.

Về con: Chị H và anh X có một con chung là Vì Thị Ph, sinh ngày 15/12/2005. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Ph, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con; Hiện chị H có thu nhập ổn định từ việc đi làm thuê, anh X hiện đang đi cải tạo không có điều kiện nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản và nợ: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong đơn đề ngày 22 tháng 2 năm 2019, bị đơn anh Vì Văn X trình bày:***

Về hôn nhân: Anh X và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào năm 2005. Sau khi kết hôn anh chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng, nay chị H xin ly hôn anh X nhất trí và đề nghị tòa án công nhận hôn nhân giải quyết ly hôn cho anh chị.

Về con chung: hai vợ chồng có một con chung là Vì Thị Ph, sinh ngày 15/12/2005. Khi ly hôn anh X nhất trí để chị H chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ph.

Về tài sản và nợ: Hai vợ chồng không có tài sản và nợ chung riêng gì.

Quá trình giải quyết chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, anh X có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ việc với lý do anh X đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam Thanh Xuân.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 14/02/2019 chị Vì Thị H nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Vì Văn X, nơi đăng ký thường trú: Đội 5 xã T, huyện D, tỉnh Điện Biên, hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh Xuân, Bộ công an. Chị H có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 14/02/2019 chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị H theo Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Vì Thị H và anh Vì Văn X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Các vấn đề khác: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho chị H, anh X theo quy định của BLTTDS. Chị H đề nghị không tiến hành hòa giải, anh X đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa án, vắng mặt tại phiên tòa vì lý do đang phải chấp hành án tại trại giam đây là những căn cứ xác định vụ án không tiến hành hòa giải được theo qui định tại các khoản 2,4 điều 207 BLTTDS.

## **[2] Về yêu cầu khởi kiện:**

Về hôn nhân: Chị Vì Thị H và anh Vì Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, có đăng ký kết hôn tại UBND Xã Thanh Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 30/12/2005. Khi đăng ký kết hôn, anh X đã đủ tuổi nhưng chị H chưa đủ tuổi kết hôn theo qui định của luật hôn nhân gia đình. Tại thời điểm hiện nay, chị H đủ tuổi kết hôn có đề nghị tòa án công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị và yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X. Anh X cũng nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ mục c điểm 2 điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/1/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp; khoản 2 điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xác định chị H và anh X có quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm các bên có đủ điều kiện kết hôn (thời điểm chị H đủ 18 tuổi) là ngày 20/8/2008. Quá trình chung sống chị H và anh X không còn hạnh phúc, chị H cho rằng nguyên nhân do anh X nghiện ma túy, bị bắt đi cải tạo về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và chị đã phải bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã T sinh sống. Nội dung này đã được ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân xã T1 xác nhận. Anh X cũng đã thừa nhận bản thân mình chưa làm tròn trách nhiệm của người chồng sau khi kết hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định anh X đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị H, giải quyết cho chị H ly hôn với anh X

Về con chung: Chị H và anh X có một con chung là Vì Thị Ph sinh ngày 15/12/2005. Cháu Ph đã ở với chị H từ nhỏ. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Ph vì chị H có thu nhập ổn định từ việc đi làm thuê, anh hiện đang đi cải tạo không có điều kiện nuôi dưỡng cháu; Chị H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị H là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu Ph, phù hợp với quan điểm của anh X. Do đó, căn cứ các qui định tại điều 58, khoản 1, 2 điều 81 Luật

Hôn nhân và gia đình 2014 giao cháu Ph cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét

Về tài sản và nợ: Các đương sự khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

**[3] Án phí:** Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đ đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vì Thị H , cho ly hôn giữa chị Vì Thị H và anh Vì Văn X .

2. Về con chung: Giao con chung Vì Thị Ph , sinh ngày 15/12/2005 cho chị Vì Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vì Thị H phải chịu 300.000 ( Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 ( Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 00012931 ngày 14 tháng 2 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/4/2019), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND HDB;
- UBND xã Thanh Luông;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Ngọc**

